TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/3/2024
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Vũ Mạnh Cường**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Sóng Thành**.

Bà **Nguyễn Thị Thắm.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Hà Văn Tuấn** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Phan Văn T**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 9/4, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số 489/2, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T, chị H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2023, bản tự khai đề ngày 16/10/2023, các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Phan Văn T trình bày:

Anh T và chị Nguyễn Thị Thúy H quen biết, tìm hiểu nhau được thời gian 02 năm thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất vào ngày 12/4/2018. Đây là hôn nhân lần đầu của anh T.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà chồng ở tổ 1, ấp 9/4, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai, vợ chồng chung sống được một thời gian dài khoảng 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong quá trình chị H mang thai bé lớn thì vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, dẫn đến chửi bới xúc phạm danh dự của nhau, sau đó chị H bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã Gia Tân 3 để sinh sống. Anh T đã dùng nhiều biện pháp để vợ chồng hàn gắn nhưng vẫn không được, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Anh T và chị H không còn quan T, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy H.

- *Về con chung*: Theo anh T vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Phan Nguyễn Yến N, sinh ngày 16/6/2019 và cháu Phan Nguyễn Ánh D, sinh ngày 21/9/2022. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị H tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao cháu N và cháu D cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh T không còn yêu cầu gì khác, ngày 11/01/2024 anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/ Theo bản tự khai ngày 19/10/2023, các lời khai tiếp theo bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thúy H thừa nhận về quan hệ hôn nhân giữa chị với anh Phan Văn T như anh T trình bày là đúng và đây là lần đăng ký kết hôn đầu tiên của chị H.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà chồng ở tổ 1, ấp 9/4, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai, vợ chồng chung sống được một thời gian dài khoảng 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong quá trình chị H mang thai bé lớn thì vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, dẫn đến chửi bới xúc phạm danh dự của nhau, sau đó chị H bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã Gia Tân 3 để sinh sống. Có lần anh T uống rượu say về thì lên nhà chị H quậy phá và có những lời lẽ chửi bới xúc phạm đến gia đình chị H, sau đó vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, anh T bỏ mặc chị H để chị một mình nuôi con từ đó đến nay. Chị H xác định vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống và lối sống. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 đến nay, chị H hiện đang sinh sống tại địa chỉ 489/2, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Chị H thừa nhận từ khi sống ly thân đến nay vợ chồng không còn liên lạc và không quan T đến nhau.

Tuy vợ chồng không còn tình cảm, nhưng nay anh T nộp đơn yêu cầu ly hôn thì chị H không đồng ý.

- *Về con chung:* Chị H thừa nhận, vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Nguyễn Yến N, sinh ngày 16/6/2019 và cháu Phan Nguyễn Ánh D, sinh ngày 21/9/2022. Hiện nay các cháu đang ở cùng chị H tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nếu trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu D, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H không còn yêu cầu gì khác. Ngày 18/12/2023 chị Nguyễn Thị Thúy H có đơn xin xét xử vắng mặt.

+/ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nhận thấy do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh T và chị H ly hôn. Giao cháu Phan Nguyễn Yến N, sinh ngày 16/6/2019 và cháu Phan Nguyễn Ánh D, sinh ngày 21/9/2022 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tạm thời anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung và nợ riêng đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 19 tháng 02 năm 2024 cho nguyên đơn anh Phan Văn T và bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy H. Ngày 11/01/2024 anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, ngày 18/12/2023 chị Nguyễn Thị Thúy H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Anh Phan Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy H và yêu cầu được nuôi con chung nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy H hiện đang cư trú tại số 489/2, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định anh Phan Văn T là nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thúy H là bị đơn.

[5] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng

các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 131, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về đường lối giải quyết: Anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy H khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo luật định, được Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/4/2018 (BL 06) theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ. Trong cuộc sống hôn nhân gia đình, chị H và anh T cùng thừa nhận giữa vợ cH có xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng không còn sống chung với nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng (BL 19, 20) điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ và bản tự khai của anh T và chị H có trong hồ sơ vụ án.

[6.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T yêu cầu ly hôn là phù hợp với Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[6.2] Xét ý kiến, yêu cầu của chị H: Theo chị H mâu thuẫn giữa chị với anh T đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu và vợ chồng không còn tình cảm với nhau nhưng chị H không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên anh T và chị H không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét ý kiến của chị H là trái với nhận định trên và không phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên không được chấp nhận.

[7] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Phan Nguyễn Yến N, sinh ngày 16/6/2019 và cháu Phan Nguyễn Ánh D, sinh ngày 21/9/2022. Xét yêu cầu của chị H được nuôi dưỡng cháu Phan Nguyễn Yến N và cháu Phan Nguyễn Ánh D là có căn cứ, bởi lẽ yêu cầu nuôi dưỡng con chung đã được anh T và chị H tự nguyện thỏa thuận trong trường hợp vợ chồng ly hôn. Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần ghi nhận ý kiến của anh T và chị H.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

[9] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Anh T, chị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[13] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí.

[2.] Tuyên xử:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn T về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" với chị Nguyễn Thị Thúy H. Xử cho anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị Thúy H ly hôn.

[2.2] Về con chung: Giao cháu Phan Nguyễn Yến N, sinh ngày 16/6/2019 và cháu Phan Nguyễn Ánh D, sinh ngày 21/9/2022 cho chị Nguyễn Thị Thúy H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Thúy H không yêu cầu.

[2.4] Sau khi ly hôn anh Phan Văn T vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con …).

[2.5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.6] Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Phan Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0007932 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Anh T đã nộp đủ án phí.

[4] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

[5] Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;
- CCTHADS H. Thống Nhất;
- UBND thị trấn D, H. T (Giấy CNKH số 32/2018);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Mạnh Cường